

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2020/HNGĐ-ST

Ngày 31-7-2020

“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU – TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phạm Ngọc Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: Tô Thị Bích Hồng.

2. Ông: Trần Hữu Trung.

- Thư ký phiên tòa: bà Vũ Thị Thúy Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

Ngày 31 tháng 7 năm 2020 tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2020/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 02 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2020/QĐST-DS ngày 21/7/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1991

Trú tại: khu B, phường H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* anh Đàm Trọng B, sinh năm 1985.

Trú tại: khu B, phường H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Đàm Trọng B chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn năm 2014 tại UBND xã H (nay là phường H), thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Sau thời gian chung sống với nhau hạnh phúc đến ngày 20 tháng 02 năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống và không thể tiếp tục chung sống

cùng nhau. Kể từ ngày 10/02/2020, anh chị ly thân, mỗi người sống một nơi. Nay thấy tình cảm vợ chồng giữa hai người không thể hàn gắn và chung sống với nhau được nên chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung là Đàm Gia H, sinh ngày 19/01/2015. Chị đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: không có.

Về công nợ chung: không có.

Bị đơn anh Đàm Trọng B trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị T chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh năm 2014. Thời gian đầu, hai vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình khuyên bảo nhưng không có kết quả. Bản thân anh thấy vẫn còn tình cảm với chị T nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: anh chị có 01 con chung là Đàm Gia H, sinh ngày 19/01/2015. Nếu ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: không có.

Về công nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa:

[1]*Về quan hệ tranh chấp:* chị Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện đề nghị được ly hôn với anh Đàm Trọng B và được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Đây là vụ án “*Tranh chấp về hôn nhân gia đình*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2]*Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải theo đúng trình tự và thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các tài liệu, quyết định tố tụng của Tòa án cho anh Đàm Trọng B. Anh B không có mặt tại các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải và không thông báo lý do cho Tòa án. Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh Đàm Trọng B vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[3]*Về tình cảm*: chị Nguyễn Thị T và anh Đàm Trọng B chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn năm 2014 tại UBND xã H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Sau thời gian chung sống với nhau hạnh phúc khoảng tháng 02 năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống và không thể tiếp tục chung sống cùng nhau. Kể từ thời điểm tháng 02/2020, anh chị ly thân, mỗi người sống một nơi. Mặc dù anh Đàm Trọng B cho rằng tình cảm của mình vẫn còn và mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, khi Tòa án triệu tập anh B đến để hòa giải để vợ chồng đoàn tụ thì anh B không đến tham dự phiên hòa giải. Điều này thể hiện bản thân anh B không cố gắng trong việc hàn gắn tình cảm của vợ chồng anh chị. Như vậy, thực tế cuộc hôn nhân của anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng mà không thể hàn gắn được, mục đích chung sống giữa chị T và anh B không đạt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, yêu cầu của chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đàm Trọng B là có căn cứ pháp luật, cần chấp nhận.

[4]*Về con chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T và anh B đều đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu người còn lại phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, anh Đàm Trọng B không cung cấp cho Tòa án các chứng cứ về thu nhập của mình nên không có cơ sở để xem xét. Các chứng cứ chị T cung cấp thể hiện: chị có thu nhập và việc làm ổn định là giáo viên mầm non. Khả năng kinh tế và môi trường làm việc của chị T đáp ứng được nhu cầu phát triển về thể chất và tinh thần của cháu Đàm Gia H. Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng này của chị T là chính đáng, có căn cứ quy định tại điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[5]*Về tài sản chung*: không có.

[6]*Về nợ chung*: không có.

[7]*Về quyền và nghĩa vụ của các đương sự đối với việc nuôi con chung sau ly hôn*: Chị Nguyễn Thị T và anh Đàm Trọng B thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo các quy định tại Điều 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[8]*Về án phí*: chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57; khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T về việc ly hôn.

1. Về tình cảm: chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Đàm Trọng B.

2. Về con chung: giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đàm Gia H, sinh ngày 19/01/2015 đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) kể từ tháng 8 năm 2020. Anh Đàm Trọng B không phải cấp dưỡng nuôi con chung, đồng thời có quyền thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật, không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

(Chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004502, ngày 27/02/2020 của chi cục thi hành án dân sự thị xã Đông Triều).

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Các đương sự;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM.

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

Phạm Ngọc Bình